

## SỔ TÍNH ĂN

Ngày 30 tháng 3 năm 2026

### I. Tiêu chuẩn được chi

ST T	Diễn giải	Số xuất ăn	Tiêu chuẩn được chi				Ghi chú
			Gạo/xuất (kg)	Tổng số (kg)	Tiền/xuất (đ)	Tổng số (đ)	
1	Cơm mẫu giáo	198	0,090	17,8	17,932	3.550.600	
2	Cơm nhà trẻ	77	0,079	6,1	18,178	1.399.700	
	<b>Cộng</b>	<b>275</b>		<b>23,9</b>		<b>4.950.300</b>	

### II. Thức ăn trong ngày

ST T	Tên thực phẩm	Đơn vị tính	Đơn giá	Mẫu giáo				Nhà trẻ				Tổng cộng	
				Bữa chính		Bữa phụ		Bữa chính		Bữa phụ		SL	TT
				SL	TT	SL	TT	SL	TT	SL	TT		
1	Bắp cải	Kg	16.000	5,6	89.600		-	0,7	11.200		-	6,3	100.800
2	Bí ngô (bí đỏ)	Kg	20.000	6,9	138.000	1	20.000	1	20.000		-	8,9	178.000
3	Cà chua	Kg	30.000		-		-	0,3	9.000		-	0,3	9.000
4	Cà rốt (củ đỏ, vàng)	Kg	22.000	3	66.000		-	0,5	11.000		-	3,5	77.000
5	Cua đồng	Kg	240.000		-		-	0,3	72.000		-	0,3	72.000
6	Dưa hấu	Kg	30.000	11	330.000		-	2,3	69.000		-	13,3	399.000
7	Đậu xanh bỏ vỏ	Kg	50.000		-	1,5	75.000		-		-	1,5	75.000
8	Gạo nếp	Kg	32.000		-	0,5	16.000		-		-	0,5	16.000
9	Hành lá	Kg	42.000	0,2	8.400	0,2	8.400	0,1	4.200		-	0,5	21.000
10	Hạt sen khô	Kg	180.000		-	0,3	54.000		-		-	0,3	54.000
11	Ngô ngọt	Bắp	15.000	7	105.000		-	2	30.000		-	9,0	135.000
12	Rau mồng tơi	Kg	26.000		-		-	0,3	7.800		-	0,3	7.800
13	Rau muống	Kg	26.000		-		-	0,3	7.800		-	0,3	7.800
14	Thịt bò	Kg	260.000		-		-	0,3	78.000		-	0,3	78.000
15	Thịt lợn nạc vai	Kg	154.000	2	308.000		-	1	154.000		-	3,0	462.000
16	Thịt lợn sản mông	Kg	144.000	6,7	964.800		-	4,3	619.200		-	11,0	1.584.000
17	Thịt vịt (bỏ đầu, bỏ chân)	Kg	105.000		-	3,3	346.500		-		-	3,3	346.500
18	Xương đuôi	Kg	80.000	1,5	120.000		-	0,6	48.000		-	2,1	168.000
19	Nước mắm nam ngư đậm nhạt	Lít	30.000	0,1	3.000	0,08	2.400	0,05	1.500		-	0,2	6.900

20	Dầu ăn Neptune 5L	Lít	64.000	0,4	25.600	0,2	12.800	0,5	32.000	-	1,1	70.400	
21	Bột canh hải châu	Kg	25.000	0,2	5.000	0,1	2.500	0,08	2.000	-	0,4	9.500	
22	Muối hạt	Kg	12.000	0,1	1.200	-	-	0,1	1.200	-	0,2	2.400	
23	gạo tẻ bắc thơm	Kg	21.000	14	294.000	3,8	79.800	6,1	128.100	-	23,9	501.900	
24	Sữa Nuvi Grow School	Kg	260.000	-	-	3,4	884.000	-	-	0,9	234.000	4,3	1.118.000
					2.458.600		1.501.400		1.306.000	234.000	-	5.500.000	

### III. Phần quyết toán trong ngày

- Hôm trước chuyển sang: 0đ
- Tiêu chuẩn trong ngày: 5.500.000 đ
- Được chi trong ngày: 5.500.000 đ
- Đã chi trong ngày: 5.500.000 đ
- Số tiền chi vượt: 0đ

Kế toán

*Tham*

Bạch Thị Thắm



Phó hiệu trưởng

Nguyễn Thị Yên Nhi